

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/8/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch  
Các Hội thẩm nhân dân:  
1. Ông Nguyễn Thông Thái  
2. Ông Phạm Hồng Sơn  
- Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.  
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15/02/2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXX ST-HNGĐ ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa:

- Nguyên đơn: bà **Hồ Thị Hồng H** - sinh năm 1978  
Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận.  
- Bị đơn: ông **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1971  
Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện T, tỉnh Bình Thuận.  
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng H trình bày:**

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hội, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 17; Quyền số: 01 ngày 01/4/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau H phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, là do ông Nguyễn Văn H sống không có trách nhiệm với vợ con, ngoài ra ông H không chung thủy, có quan hệ bên ngoài với nhiều phụ nữ khác, vì mâu thuẫn trên nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình trạng này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần không thể hàn gắn lại được. Từ tháng 4/2021 ông H đã tự ý bỏ nhà ra đi cho đến nay không còn ai quan tâm đến gia đình nữa.

Khi bà nộp đơn ly hôn với ông H tại Toà án nhân dân huyện T, bà có liên hệ với ông H đến giải quyết nH ông H cố tình lẩn tránh không chịu đến Toà án làm việc.

Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được H phúc vợ chồng không còn tình cảm nữa, cuộc sống vợ chồng đã chấm dứt từ lâu, không ai quan tâm đến ai, tại Tòa hôm nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Anh Thư - sinh năm 1996 và Nguyễn Hồ Anh Thi - sinh năm 1999, các con đã thành niên và đã lập gia đình ở riêng.

- *Về tài sản và nợ chung*: không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng H.

- Về hôn nhân: bà Hồ Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về án phí: bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H, xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, thì đây là vụ kiện “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận.

Đối với ông H, kể từ khi tòa án thụ lý vụ án, thì ông H đã không còn ở tại địa phương nữa, theo bà H trình bày, từ tháng 4/2021 ông H đã tự ý bỏ nhà ra đi cho đến nay không còn ai quan tâm đến gia đình nữa. Khi nộp đơn ly hôn với ông H tại Toà án nhân dân huyện T, bà có liên hệ bằng điện thoại với ông H đến giải quyết, nH ông H cố tình lẩn tránh không chịu đến Toà án làm việc, bà H cũng không biết được nơi ở mới của ông H, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông H tại nơi cư trú cuối cùng của ông H, theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không lý do, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:**

[2.1] Về hôn nhân: bà H và ông H xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hội, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 17; Quyền số: 01 ngày 01/4/2003, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo bà H khai thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau H phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, là do ông Nguyễn Văn H sống không có trách nhiệm với vợ con, ngoài ra ông H không chung thủy, có quan hệ bên ngoài với nhiều phụ nữ khác, vì mâu thuẫn trên nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình trạng này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần không thể hàn gắn lại được. Từ tháng 4/2021 ông H đã tự ý bỏ nhà ra đi cho đến nay không còn ai quan tâm đến gia đình nữa.

Lời khai nhận của bà H phù hợp với biên bản xác minh ngày 22/02/2022 tại khu phố 5, cung cấp thông tin: ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu tại khu phố 5, thị trấn Liên Hương, hiện nay ông H không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Bà H và ông H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa, bà không đồng ý trở lại đoàn tụ và yêu cầu được ly hôn với ông H.

Như vậy, có cơ sở khẳng định đến thời điểm này, hôn nhân giữa bà H và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không đạt được H phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài được nữa, kể từ tháng 4/2021 họ đã tự sống ly thân không quan tâm đến nhau, nên bà H xin ly hôn với ông H là chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Anh Thư - sinh năm 1996 và Nguyễn Hồ Anh Thi - sinh năm 1999, các con đã thành niên, nên không xem xét quyền trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai, không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- **Căn cứ vào:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

- **Tuyên xử:** chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: cho bà Hồ Thị Hồng H ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: có 02 con đã thành niên.
3. *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.
4. *Về án phí*: bà H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí của bà H đã nộp, tại biên lai thu tiền số 0003257 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên án phí đã nộp đủ.
5. *Về quyền kháng cáo*: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2022). Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thông Thái**

**Phạm Hồng Sơn**

**Nguyễn Văn Thạch**